TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày 16 – 01 – 2025
V/v tranh chấp thừa kế QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Minh Trọn
2. Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Tú – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 553/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hoàng Trung H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khóm C, thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn G theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2024 (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Út Ô, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Phước Đức B, xã Phước Đ, huyện Gò D, tỉnh Tây Ninh (xin vắng mặt).

3.2. Chị Nguyễn Út M, sinh năm 1986; Địa chỉ: số 185, đường Lý Văn L, khóm 6, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn Đ: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn Đ theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2024 (có mặt).

3.4. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp Tân T, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: số 241/TTH, ấp Tân T, xã Tân X, huyện Ba T, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

3.5. Chị Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.6. Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.7. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp Nguyễn Q, xã Viên A, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.8. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Địa chỉ: ấp Đường C, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.9. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn M: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của ông M theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2023 (có mặt).

3.10. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; Địa chỉ: khu vực 7, phường Nhơn B, thành phố Quy N, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

3.11. Chị Lê Hồng N, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.12. Chị Lê Thị T2, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.13. Bà Trần Thị K, sinh năm 1945 (đã chết ngày 20/11/2024); Địa chỉ: ấp Vàm X, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị K: Ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị Đ1, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Út Ô, chị Nguyễn Út M và anh Nguyễn Minh D. Những người nêu trên là con đẻ của cụ Trần Thị K và cũng là đương sự trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Chiến Thắng và cụ Trần Thị K là vợ chồng, chung sống với nhau có 14 người con gồm: Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn U, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị X,

Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Út M, Nguyễn Út Ô và Nguyễn Minh D còn người con còn lại chết lúc nhỏ, chưa có vợ con. Trong thời gian chung sống, hai cụ tạo lập được phần đất có tổng diện tích 43.600m^2 thuộc các thửa đất số 165, 167, 194, 322 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Vàm Xáng, xã Phú Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Minh Hải (nay là huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau) đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Thắng vào ngày 24/01/1994.

Vào khoảng năm 2017, cụ Thắng có cố cho vợ chồng ông Nguyễn Công Khanh, bà Trần Út Diên một phần đất có diện tích khoảng 20 công tầm lớn (tầm 3m) với giá 500.000.000 đồng nhưng việc cố đất này ông không biết, phần diện tích còn lại hai cụ quản lý sử dụng. Ngày 02/3/2020, cụ Thắng chết không để lại di chúc. Sau khi cụ Thắng chết, anh Đ có bỏ ra số tiền 350.000.000 đồng, anh D bỏ ra số tiền 150.000.000 đồng để chuộc lại đất nên ông cùng anh D thống nhất cho anh Đ 14 công để canh tác còn anh D canh tác 07 công, việc cho canh tác đất những người con còn lại của hai cụ không ai biết. Sau đó, giữa cụ K cùng các con không thỏa thuận được việc phân chia di sản do người chết để lại nên ông khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với ½ di sản là quyền sử dụng đất của Thắng chết để lại có diện tích 21800m^2 cho 14 người thừa kế của cụ Thắng, mỗi người được hưởng kỷ phần bằng nhau với diện tích 1.557m^2.

Nay tại phiên tòa, ông yêu cầu chia ½ di sản thừa kế do cụ Thắng chết để lại theo đo đạc thực tế của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam có diện tích 23039,8m^2 trong tổng diện tích đất 46079,6m^2 cho 14 người thừa kế, mỗi người được nhận kỷ phần tương ứng là 1645,7m^2 nhưng kỷ phần ông được nhận ông tặng cho lại anh D. Đối với ½ tài sản của cụ K tương ứng với diện tích 23039,8m^2 và kỷ phần thừa kế 1645,7m^2 lúc còn sống, cụ kết đã tặng cho anh D. Hiện cụ K đã chết ngày 20/11/2024 nhưng phần tài sản của cụ K, ông không đặt ra yêu cầu chia thừa kế và anh D là người có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền mà anh Đ bỏ ra chuộc đất tương ứng với kỷ phần thừa kế được nhận, được tặng cho, chịu trách nhiệm nộp chi phí tố tụng, án phí. Đối với chi phí đo đạc và định giá với tổng số tiền 26.484.000 đồng, ông yêu cầu người nào nhận kỷ phần thừa kế thì có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông. Ngoài ra, ông G không yêu cầu gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại tòa, anh Nguyễn Minh D (bị đơn) trình bày:

Về quan hệ thừa kế, tài sản do cha mẹ tạo lập và thời gian hai cụ chết, ông Gần trình bày là đúng. Lúc còn sống, hai cụ có cố cho vợ chồng ông Khanh, bà Diên khoảng 20 công tầm lớn nhưng sau khi cụ Thắng chết, anh cùng anh Đ bỏ tiền ra chuộc đất, cụ thể: Anh Đ bỏ ra số tiền 350.000.000 đồng, anh bỏ ra 150.000.000 đồng để chuộc lại đất. Sau đó, anh cùng ông G có thống nhất cho anh Đ canh tác 14 công còn anh canh tác 07 công tương ứng với số tiền bỏ ra chuộc đất, việc cho anh Đ cùng anh canh tác thì các anh chị em còn lại không biết và việc cho đất này để canh tác lúc khó khăn chứ không phải chia đất. Hiện anh đang quản lý, sử dụng khoảng 25 công

đất, còn anh Đ đang quản lý sử dụng 14 công. Nay ông G, cụ K, bà T1, chị Út M, chị Út Ô, chị X, chị Đ1, chị L, ông K1, anh U yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ Thắng chết để lại theo đo đạc thực tế có diện tích 23039,8m^2 anh cũng đồng ý chia. Riêng ông M, chị T có yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 25 công tầm lớn mà anh đang quản lý, anh không đồng ý vì trong phần diện tích đất này có đất của cụ K đã tặng cho anh còn 07 công đất anh chuộc về là di sản của cụ Thắng nên anh chỉ đồng ý chia phần di sản của cụ Thắng chết để lại. Quá trình giải quyết vụ án, cụ K cùng bà T1, chị Út M, chị Út Ô, chị X, chị L, chị Đ1, ông K1 và ông G tặng cho anh kỷ phần thừa kế được chia nên anh đồng ý nhận và thống nhất hoàn trả lại số tiền mà anh Đ đã bỏ ra chuộc đất, thống nhất nộp chi phí tố tụng, tiền án phí cho những người thừa kế đã tặng cho kỷ phần thừa kế, tặng cho tài sản cho anh.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Đ (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) cùng người đại diện hợp pháp của anh Đ trình bày bổ sung tại phiên tòa:

Anh Đ là con của cụ Thắng, cụ Kết. Về tài sản hai cụ tạo lập đúng như lời trình bày của ông G. Vào năm 2017, cụ Thắng có cố cho ông Nguyễn Công Khanh, bà Trần Út Diên 20 công tầm lớn trong tổng diện tích đất 43600m^2 với số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn cố là 05 năm. Ngày 02/3/2020, cụ Thắng chết không để lại di chúc nhưng lúc còn sống cụ Thắng có nguyện vọng để phần diện tích đất cố nêu trên cho anh Đ cùng anh U chuộc lại và cho luôn hai người diện tích đất này để quản lý, sử dụng. Thực hiện theo nguyện vọng của cụ Thắng nên vào năm 2022, do anh U không có tiền, anh em trong gia đình thống nhất cho anh Đen cùng anh Dương chuộc lại đất và anh Đ đã bỏ ra số tiền 350.000.000 đồng, anh D bỏ ra số tiền 150.000.000 đồng để trả tiền cố đất cho vợ chồng ông Khanh. Khi chuộc đất xong, anh em thống nhất chia cho anh Đ và anh U, mỗi người quản lý sử dụng 07 công tầm lớn (tầm 3m) nhưng hiện anh Đ đang quản lý 14 công tầm lớn, chia cho anh D khoảng 10 công. Vị trí đất anh Đ được chia mặt tiền giáp lộ xi măng ngang 36m, ngang mặt hậu 36m kế đến là vị trí đất của anh U và tiếp theo là vị trí đất của anh D. Do được chia đất nên anh đã cất nhà ở trên đất và nhận đất quản lý, sử dụng. Đến năm 2023, anh Đ tiếp tục cố đất cho vợ chồng ông Khanh với số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn cố 04 năm. Tuy nhiên, thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng vợ chồng ông Khanh đồng ý cho anh Đ chuộc đất vào ngày 11/6/2024, hiện anh Đ đang quản lý, sử dụng cho đến nay. Do đó, việc ông G yêu cầu lấy lại đất để chia thừa kế anh Đ không đồng ý nhưng đồng ý chia thừa kế đối với phần đát anh D đang quản lý, sử dụng.

Tại đơn yêu cầu và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn U (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Phần đất có diện tích 43600m^2 tọa lạc tại ấp Vàm Xáng, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Thắng vào ngày 24/01/1994 hiện do anh D quản lý sử dụng nhưng do cụ Thắng chết nên anh yêu cầu theo quy định pháp luật đối với phần

di sản của cụ Thắng chết để lại theo pháp luật và yêu cầu nhận di sản thừa kế với diện tích khoảng 1.557m^2.

Tại đơn yêu cầu và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn K1 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Về quan hệ thừa kế, tài sản chung của cụ Thắng, cụ K và thời gian hai cụ chết, ông G trình bày là đúng. Hiện phần đất có diện tích 43600m^2 tọa lạc tại ấp Vàm Xáng, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Thắng vào ngày 24/01/1994 hiện do anh D quản lý sử dụng nhưng do cụ Thắng chết nên chị Đ1, ông K1 yêu cầu chia theo quy định pháp luật đối với phần di sản của cụ Thắng chết để lại theo pháp luật và tài sản mỗi người được phân chia có diện tích khoản 1.557m^2, nhưng chị Đ1 và ông K1 tặng cho lại cho anh D.

Nay tại phiên tòa, chị Đ1 cùng ông K1 yêu cầu chia ½ di sản thừa kế do cụ Thắng chết để lại theo đo đạc thực tế của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam có diện tích 23039,8m^2 trong tổng diện tích đất 46079,6m^2 cho 14 người thừa kế, mỗi người được nhận kỷ phần tương ứng là 1645,7m^2 và kỷ phần chị Đ1, ông K1 được nhận thì tặng cho lại anh D. Đối với việc anh D và anh Đ chuộc đất, việc ông G cùng anh D cho đất anh Đ quản lý, sử dụng thì không có họp gia đình, chị Đ1 và ông K1 không hay biết việc này nên không đồng ý.

Đối với ½ tài sản của cụ K tương ứng với diện tích 23039,8m^2 và kỷ phần thừa kế 1645,7m^2 lúc còn sống, cụ K đã tặng cho anh D nên phần tài sản của cụ K, chị Đ1 cùng anh K1 không đặt ra yêu cầu chia thừa kế và anh D là người có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà anh Đ bỏ ra chuộc đất tương ứng với kỷ phần thừa kế được nhận, được tặng cho và chịu trách nhiệm nộp chi phí tố tụng, nộp tiền án phí.

Tại đơn yêu cầu và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn M cùng người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn M (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Về quan hệ thừa kế, tài sản do cha mẹ tạo lập và thời gian cha mẹ chết, ông G trình bày là đúng. Hiện anh D đang quản lý, sử dụng khoảng 25 công đất nên ông M yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất trên của ông D đang quản lý, không đồng ý việc đưa phần đất đã cắt chia cho anh Đ với diện tích 14 công tầm lớn vào chia thừa kế và yêu cầu được nhận 02 công đất nhưng nhận bằng giá trị theo giá đã được định giá. Đối với việc cho đất anh Đ là thực hiện theo nguyện vọng của cụ Thắng khi còn sống có nói phần đất cố cho vợ chồng ông Khanh thì để anh Đ, anh U chuộc về và cho luôn hai người này để quản lý, sử dụng. Khi cụ Thắng nói có mặt vợ chồng ông Khanh, anh Đ và vợ chồng bà nhưng không có làm giấy tờ. Sau khi cụ Thắng chết, anh em trong gia đình thống nhất cho ông Đ chuộc đất và ông G cùng anh D là người chia đất cho anh Đ. Vì vậy, ông G cùng chị Đ1, ông K1 trình bày anh chị em không biết việc chia đất cho anh Đ là không đúng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 16/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cụ Trần Thị K (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Cụ và cụ Nguyễn Chiến Thắng là vợ chồng. Trong thời kỳ hôn nhân, hai cụ tạo lập được phần đất có diện tích 43600m^2 tọa lạc tại ấp Vàm Xáng, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Thắng vào ngày 24/01/1994. Ngày 02/3/2020, cụ Thắng chết không để lại di chúc nên cụ yêu cầu chia 50% diện tích đất trong khối tài sản chung của hai cụ cho 13 người con và cụ, mỗi người được hưởng kỷ phần bằng nhau. Đồng thời, cụ tặng cho lại kỷ phần thừa kế được hưởng và cho lại 50% diện tích đất của cụ trong khối tài sản chung với cụ Thắng cho anh D quản lý, sử dụng.

Tại đơn yêu cầu và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị X cùng chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Út M và chị Nguyễn Út Ô (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Phần đất có diện tích 43600m^2 tọa lạc tại ấp Vàm Xáng, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Thắng vào ngày 24/01/1994 hiện do anh D quản lý sử dụng nhưng do cụ Thắng chết nên các chị yêu cầu theo quy định pháp luật đối với phần di sản của cụ Thắng chết để lại theo pháp luật và tài sản được phân chia có diện tích khoản 1.557m^2, các chị tặng cho lại cho anh D. Do điều kiện đi lại khó khăn, nên chị Út Ô xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Cụ Thắng và cụ K là vợ chồng, hai cụ chung sống với nhau có 14 người con gồm: Nguyễn Thị T1, Nguyễn Út Ô, Nguyễn Út M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Xu, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Văn U, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh D và Nguyễn Văn G, còn một người con chết lúc còn nhỏ, chưa vợ con.

Cụ Thắng chết ngày 02/03/2020, không để lại di chúc còn cụ K chết ngày 20/11/2024. Lúc sinh thời, hai cụ tạo lập được phần đất có diện tích 43.600m^2 (theo đo đạc thực tế có diện tích là 46.079,6m^2) tọa lạc tại ấp Vàm Xáng, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Thắng vào ngày 24/01/1994.

Vào khoảng năm 2017, do hoàn cảnh khó khăn hai cụ cố 20 công đất tầm lớn (tầm 3m) nằm trong tổng diện tích đất nêu trên cho vợ chồng ông Nguyễn Công Khanh, bà Trần Út Diên với giá 500.000.000 đồng, thời hạn cố đất là 06 năm. Khi hết thời hạn cố, do không có tiền chuộc nên hai cụ mới kêu anh Đ, anh U bỏ tiền ra chuộc đất và hai cụ cho luôn phần đất trên cho hai người để sinh sống nên anh Đ mới bỏ ra 350.000.000 đồng còn anh D bỏ ra 150.000.000 đồng để chuộc đất vì anh U không có tiền để chuộc. Sau khi chuộc đất về thì cụ Thắng chết nên các anh em cùng cụ K họp lại có sự chứng kiến của trưởng ấp và cùng nhau đo đạc cắt cho anh Đ phần đất có

diện tích 14 công tầm lớn để anh Đ quản lý, sử dụng và cất nhà ở. Phần đất còn lại 25 công tầm lớn, anh D quản lý sử dụng nên chị chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 25 công tầm lớn hiện anh D quản lý và yêu cầu được nhận 02 công tầm lớn nhưng xin nhận giá trị theo định giá. Do chị đang làm thuê, hoàn cảnh rất khó khăn không có đất sản xuất nên không có tiền để đóng tiền án phí theo yêu cầu Tòa án nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Đồng thời, do hoàn cảnh ở xa, việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên chị xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại các đơn yêu cầu độc lập ngày 16/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T1 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Bà T1 có cùng ý kiến với lời trình bày của cụ K về quan hệ thừa kế, di sản do người chết để lại và có yêu cầu phân chia di sản của cụ Thắng chết để lại. Đồng thời, bà tặng cho lại kỷ phần thừa kế được hưởng cho anh D quản lý, sử dụng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T1 và chị Lê Hồng N (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Chị T2 là vợ của anh Nguyễn Văn Đ, chị N là vợ của anh Nguyễn Minh D. Các chị có cùng ý kiến với anh Đen, anh Dương. Đồng thời, do bận công việc nên các chị xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập của các đương sự và buộc anh D hoàn trả lại tiền anh Đ đã trả chuộc đất tương ứng với kỷ phần thừa kế được hưởng, tài sản được cụ K tặng cho. Đồng thời, hoàn trả giá trị đất theo định giá tương ứng với kỷ phần thừa kế được hưởng cho chị T, ông M. Về án phí, nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/7/2024, ông Nguyễn Văn G ủy quyền cho anh Hoàng Trung H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người đại diện hợp pháp. Tuy nhiên, tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do và ông G xác định ông sẽ trực tiếp tham gia tố tụng tại phiên tòa để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông nên đồng ý giải quyết vắng mặt anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Đối với ông Nguyễn Công Khanh, bà Trần Út Diên đã có lời khai và khước từ tham gia tố tụng vì hiện phần đất cụ Thắng cố cho ông bà đã được anh D, anh Đ chuộc lại và hiện ông bà không còn quản lý canh tác phần đất này, ông bà cũng không

có yêu cầu hay tranh chấp gì về hợp đồng cố đất nên việc giải quyết vụ án không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận không đưa ông Khanh, bà Diên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ.

Đối với bà Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Út M đã được triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do. Riêng chị Nguyễn Út Ô, chị Nguyễn Thị T, chị Lê Hồng N, chị Lê Thị T2 có yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt chị T, chị Út Ô, chị N cùng chị T2 và tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, chị L, anh U, chị X, chị Út M.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự trình bày thống nhất với nhau nội dung: Cụ Nguyễn Chiến Thắng và cụ Trần Thị K là vợ chồng, chung sống với nhau có 14 người con gồm Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn U, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Út M, Nguyễn Út Ô và Nguyễn Minh D còn người con còn lại chết lúc nhỏ, chưa có vợ con. Trong thời gian chung sống, hai cụ tạo lập được phần đất có tổng diện tích 43.600m^2 (theo đo vẽ thực tế có tổng diện tích 46079,6m^2) thuộc các thửa đất số 165, 167, 194, 322 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Vàm Xáng, xã Phú Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Minh Hải (nay là huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau) đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Thắng vào ngày 24/01/1994. Ngoài ra, hai cụ không còn tài sản chung nào khác. Cụ Thắng chết ngày 02/3/2020, không để lại di chúc. Cụ K chết ngày 20/11/2024 nhưng trước khi chết, cụ K có làm văn bản tặng cho anh Nguyễn Minh D 50% diện tích đất là tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Thắng và tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng từ 50% di sản của cụ Thắng chết để lại là sự thật nên không phải chứng minh. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất với nhau về việc phân chia di sản của cụ Thắng chết để lại nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất, cụ thể tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật đối với 50% diện tích đất theo đo đạc thực tế 23039,8m^2 trong tổng diện tích đất 46079,6m^2 là di sản của cụ Thắng chết để lại.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào quy định tại các Điều 33, Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình thì phần đất có tổng diện tích 43.600m^2 (theo đo vẽ thực tế có tổng diện tích 46079,6m^2) được xác định là tài sản chung của vợ chồng cụ Thắng, cụ K. Khi cụ Thắng chết, không để lại di chúc và trong quá trình chung sống, hai cụ không có thỏa thuận về chế độ tài sản nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất bao gồm vợ và các con của hai cụ có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi tức phần diện tích đất

23039,8m^2 là di sản của cụ Thắng chết để lại còn phần diện tích 23039,8m^2 còn lại là tài sản riêng của cụ K.

[3.1] Mặc dù, lúc còn sống cụ Thắng có cố một phần đất diện tích khoảng 20 công tầm lớn trong tổng diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Công Khanh, bà Trần Út Diên với giá 500.000.000 đồng, thời hạn thuê 06 năm và sau khi cụ Thắng chết, các đồng thừa kế đồng ý để anh Đ, anh U chuộc phần đất này về canh tác nhưng do anh U không có tiền nên anh D xuất ra 150.000.000 đồng, anh Đ xuất ra số tiền 350.000.000 đồng trả cho ông Khanh, bà Diên để chuộc đất về canh tác vào năm 2022 và hiện anh D đang quản lý canh tác phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế 31781m^2, anh Đ quản lý canh tác tổng diện tích 14298,6m^2. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của anh Đ, ông M khai nhận việc ông Đ chuộc đất về quản lý canh tác là thực hiện theo di nguyện của cụ Thắng lúc còn sống đã kêu anh Đ, anh U chuộc phần đất cố của vợ chồng bà Diên về và cho luôn anh Đ, anh U, việc cụ Thắng cho đất trên bà Diên cùng người đại diện hợp pháp của anh Đ, ông M trực tiếp nghe cụ Thắng nói và sau khi chuộc đất về ông G cùng anh D là người mang thước dây ra đo đất cho anh Đ nhưng người đại diện hợp pháp của anh Đ, ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh có việc cho phần đất này. Nếu thực tế cụ Thắng có di nguyện cho lại đất trước mặt người đại diện hợp pháp của anh Đ cùng vợ chồng ông M và vợ chồng bà Diên thì theo quy định của pháp luật ngay sau khi cụ Thắng di nguyện thể hiện ý chí cuối cùng của mình, vợ chồng bà Diên hoặc vợ chồng ông M lúc đó chứng kiến phải ghi chép lại nội dung di nguyện của cụ Thắng, cùng ký tên hoặc điểm chỉ và trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cụ Thắng thể hiện ý chí cuối cùng phải đem văn bản đã ghi chép lại đi công chứng hoặc chứng thực xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người làm chứng nhưng người đại diện hợp pháp của anh Đ cùng ông M và vợ chồng bà Diên không thực hiện việc này. Hơn nữa, ông M là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thắng nên đối chiếu quy định tại Điều 632 của Bộ luật Dân sự thì việc làm chứng này của ông M vi phạm điều cấm của pháp luật. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành xác minh đối với Trưởng ban nhân dân ấp Vàm Xáng cho biết chỉ chứng kiến việc trả tiền cố đất, không biết gì về việc chia đất giữa các đương sự đối với phần đất cố chuộc về (bút lục 272) còn ông Khanh, bà Diên chỉ nghe nhắc đến việc ông G cho đất anh D, anh U và anh Đ nhưng cụ thể như thế nào thì ông, bà không biết rõ (bút lục 273). Trong khi những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất trừ anh Đ, ông M đều xác định không có việc cụ Thắng di nguyện để lại phần đất cố cho ông Đ, anh U nhưng thống nhất việc cho anh Đ canh tác đất để giải quyết khó khăn chứ không phải chia đất.

[3.2] Bên cạnh đó, thời điểm cụ Thắng chết, cụ K vẫn còn sống cũng không đồng ý việc này nên đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của người chết để lại và anh U là người mà anh Đ, bà Diên cùng người đại diện hợp pháp của anh Đ cho rằng cụ Thắng di nguyện cho phần đất cố nhưng anh U có đơn yêu cầu độc

lập chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Thắng chết để lại đều đó đồng nghĩa việc anh U không thống nhất việc này chia đất nêu trên. Hơn nữa, theo quy định của pháp luật thì phần đất là tài sản của hai cụ, cụ Thắng không thể tự định đoạt cho anh Đ, anh U phần đất cố mà phải có sự thống nhất của cụ K và sau khi cụ Thắng chết, ông G và anh D cũng không có quyền định đoạt, phân chia di sản thừa kế của người chết để lại mà phải có sự đồng ý, thống nhất của tất cả các đồng thừa kế mới thực hiện được.

[3.3] Do đó, lời trình bày của anh Đ cùng ông M và người đại diện hợp pháp của anh Đ, ông M chưa đủ căn cứ để chấp nhận nên yêu cầu của các đương sự về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 23039,8m^2 của cụ Thắng chết để lại là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Phần diện tích nêu tại mục [3.3] được chia cụ thể như sau: Cụ K, ông G, ông K1, ông M, bà T1, chị Út Ô, chị Út M, chị Đ1, chị L, chị X, anh U, anh Đ, chị T và anh D, mỗi người được chia kỷ phần thừa kế bằng nhau tương ứng với diện tích đất được chia là 1645,7m^2. Do cụ K, ông G, ông K1, bà T1, chị L, chị Đ1, chị Út Ô, chị Út M, chị X nhận kỷ phần thừa kế nêu trên và tặng cho lại cho anh D. Đồng thời, cụ K tặng cho anh D 50% diện tích đất của cụ trong khối tài sản chung với cụ Thắng tương ứng với diện tích 23039,8m^2. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận việc tặng cho trên giữa các đương sự nên tổng diện tích anh D được tặng cho, được nhận thừa kế là 39496,8m^2.

[4.1] Do anh Đ đang canh tác phần đất được ghi nhận trên bản trích đo hiện trạng của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam (ghi tên ông Khanh đang quản lý, sử dụng) nên giao phần đất anh Đ được chia với diện tích 1645,7m^2 ở vị trị này là phù hợp, cụ thể phần chiều ngang mặt tiền, chiều ngang mặt hậu bằng nhau là 11,135m, chiều dài hai cạnh bằng nhau là 147,79m (vị trí mặt tiền tiếp giáp với đường bê tông tính từ M6 đo qua tiếp giáp với phần đất anh U được chia có chiều ngang là 11,135m, phần chiều dài tính từ M6 đo chạy dài thẳng lên tiếp giáp với thửa đất số 303, 292 có chiều dài 147,79m và đo qua mặt hậu tiếp giáp với anh D chiều ngang 11,135m).

[4.2] Phần đất anh U được chia với diện tích 1645,7m^2 có chiều ngang mặt tiền, chiều ngang mặt hậu bằng nhau là 11,135m, chiều dài hai cạnh bằng nhau là 147,79m (vị trí mặt tiền tiếp giáp với đường bê tông tính từ M6’ đo qua tiếp giáp với phần đất anh Đ được chia có chiều ngang là 11,135m, phần chiều dài tính từ M6’ đo chạy dài thẳng lên tiếp giáp với phần đất của anh D có chiều dài 147,79m, chiều dài tiếp giáp với anh Đ là 147,79m và đo qua mặt hậu tiếp giáp với phần đất anh D là 11,135m).

[4.3] Đối với kỷ phần ông M và chị T được hưởng, do không đồng ý nhận đất mà yêu cầu nhận giá trị nên giao kỷ phần thừa kế của ông M, chị T cho anh D quản lý, sử dụng và anh D có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị theo kết quả định giá của Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định Quốc tế Đông Dương mà các đương sự đã thống nhất là phù hợp, cụ thể anh D phải hoàn trả cho ông M, chị T mỗi người với số tiền là 115.830.000 đồng, anh D được quyền quản lý sử dụng phần thừa kế của ông M, chị T được hưởng với tổng diện tích 3291,4m^2.

[5] Từ phân tích tại mục [4], [4.3] thì phần vị trí đất và diện tích đất còn lại sau khi chia cho anh Đ, anh U thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh D có tổng diện tích là 42788,2m^2 (trong đó phần cụ K tặng cho là 23039,8m^2, phần diện tích đất 3291,4m^2 của chị T và ông M mà anh D đã trả giá trị, phần diện tích đất mà các đồng thừa kế còn lại tặng cho anh D cùng kỷ phần anh D được hưởng có diện tích là 16457m^2).

[6] Đối với số tiền 500.000.000 đồng cố đất cho vợ chồng ông Khanh, bà Diên được xác định là nợ chung của hai cụ nên cụ K cùng cụ Thắng mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền trên. Do anh D đã xuất ra số tiền 150.000.000 đồng và anh Đ đã bỏ ra số tiền 350.000.000 đồng trả cho vợ chồng ông Khanh nên cụ K cùng ông G, ông K1, ông M, chị X, chị T, chị Đ1, chị L, chị Út Ô, chị Út M, anh U và bà T1 là người có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền trên cho anh D cùng anh Đ, cụ thể: Cụ K cùng ông G, ông K1, ông M, chị X, chị T, chị Đ1, chị L, chị Út Ô, chị Út M, anh U, anh D và bà T1, mỗi người phải trả cho anh Đ 12.500.000 đồng; Cụ K cùng ông G, ông K1, ông M, chị X, chị T, chị Đ1, chị L1, chị Út Ô, chị Út M, anh U, anh Đ và bà T1, mỗi người phải trả cho anh D 5.357.000 đồng. Bên cạnh đó, cụ K còn có trách nhiệm trả lại cho anh Đ số tiền 175.000.000 đồng và trả cho anh D số tiền 75.000.000 đồng.

[6.1] Tuy nhiên, đối với nghĩa vụ của cụ K do trước khi chết cụ đã tặng cho kỷ phần thừa kế được nhận và tặng cho 50% diện tích đất của cụ trong khối tài sản chung với cụ Thắng cho anh Dg và những người thừa kế gồm: Ông G, ông K1, chị X, chị Đ1, chị L, chị Út Ô, chị Út M, bà T1 đã tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng cho anh D nên anh Dg đồng ý nhận và đồng ý hoàn trả lại tiền cho anh Đ thay cho cụ K, ông G, ông K1, chị X, chị Đ1, chị L, chị Út Ô, chị Út M, bà T1 và kỷ phần anh D được hưởng. Vì vậy, anh D phải có trách nhiệm trả cho anh Đ các khoản với số tiền:

(12.500.000 x 10 người) + 175.000.000 đồng = 300.000.000 đồng.

[6.2] Đối với số tiền các thừa kế phải trả lại cho anh D, do anh D đã nhận tặng cho kỷ phần thừa kế nên không yêu cầu ông G, ông K1, chị X, chị Đ1, chị L, chị Út Ô, chị Út M và bà T1 trả lại số tiền đã bỏ ra để chuộc đất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Riêng anh U, chị T cùng ông M, mỗi người có trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền 12.500.000 đồng. Ngoài ra, anh Đ cùng anh U, chị T và ông M, mỗi người phải có trách nhiệm trả cho anh D số tiền 5.357.000 đồng.

[7] Như phân tích tại mục [4.3] và [6.2], đối trừ phần nghĩa vụ của chị T, ông M với anh D thì anh D chỉ còn phải hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông M và chị T, mỗi người với số tiền là 110.473.000 đồng.

[8] Đối với các căn nhà trên đất được thể hiện trên bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam, các đương sự không tranh chấp và không đặt yêu cầu đối với các căn nhà được xây dựng trên đất – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về chi phí tố tụng, do chấp nhận yêu cầu của đương sự nên chi phí đo đạc, thẩm định giá với tổng số tiền 26.484.500 đồng (trong đó chi phí đo đạc là 15.484.500

đồng, chi phí định giá là 11.000.000 đồng) mà ông G đã nộp, những người thừa kế được nhận kỷ phần thừa kế có trách nhiệm hoàn trả cho ông G tương ứng với kỷ phần thừa kế được hưởng, cụ thể mỗi người có trách nhiệm hoàn trả số tiền 1.891.750 đồng trong đó: Ông M, chị T, anh U và anh Đ, mỗi người có trách nhiệm trả số tiền 1.891.750 đồng cho ông G; Do cụ K, chị X, chị Đ1, chị L1, chị Út Ô, chị Út M, ông K1, bà T1, ông G đã tặng cho lại kỷ phần thừa kế cho anh D và phần thừa kế anh D được hưởng nên anh D có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông G số tiền 18.917.500 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đ, ông M, chị T và anh U phải chịu án phí tương ứng với kỷ phần thừa kế được hưởng và án phí đối với phần nghĩa vụ của người chết để lại. Ông G, ông K1, bà T1 và cụ K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không phải chịu án phí. Anh D phải chịu án phí đối với kỷ phần thừa kế được hưởng, kỷ phần thừa kế được tặng cho và phải chịu án phí không giá ngạch đối với việc tặng cho tài sản cùng án phí đối với phần nghĩa vụ của người chết để lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 615, 632, 650, 651 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 100, 166, 167, 188 và Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập của các đương sự về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 23039,8m^2 trong tổng diện tích đất 46079,6m^2 là di sản của cụ Thắng chết để lại tọa lạc tại ấp Vàm Xáng, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 01/11/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam đã được Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân), tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 329674 cho cụ Nguyễn Văn Thắng vào ngày 20/01/1994.

Anh Nguyễn Văn Đ được nhận phần đất thuộc một phần thửa đất số 1, số 2 với diện tích 1645,7m^2 cụ thể: Phần đất có chiều ngang mặt tiền, chiều ngang mặt hậu bằng nhau là 11,135m và chiều dài hai cạnh bằng nhau là 147,79m (vị trí mặt tiền tiếp giáp với đường bê tông tính từ M6 đo qua tiếp giáp với phần đất anh Nguyễn Văn U được chia có chiều ngang là 11,135m, phần chiều dài tính từ M6 đo chạy dài thẳng

lên tiếp giáp với thửa đất số 303, 292 có chiều dài 147,79m và đo qua mặt hậu tiếp giáp với phần đất của anh Nguyễn Minh D chiều ngang 11,135m).

Anh Nguyễn Văn U được nhận phần đất thuộc một phần thửa đất số 1, số 2 với diện tích 1645,7m^2 cụ thể: Phần đất có chiều ngang mặt tiền, chiều ngang mặt hậu bằng nhau là 11,135m, chiều dài hai cạnh bằng nhau là 147,79m (vị trí mặt tiền tiếp giáp với đường bê tông tính từ M6' đo qua tiếp giáp với phần đất anh Nguyễn Văn Đ được chia có chiều ngang là 11,135m, phần chiều dài tính từ M6' đo chạy dài thẳng lên tiếp giáp với phần đất của anh Nguyễn Minh D có chiều dài 147,79m, chiều dài tiếp giáp với anh Nguyễn Văn Đ là 147,79m và đo qua mặt hậu tiếp giáp với phần đất anh Nguyễn Minh D là 11,135m).

Anh Nguyễn Minh Dg được nhận phần đất thuộc một phần thửa đất số 1, số 2 còn lại với tổng diện tích 42788,2m^2 (trong đó phần cụ Trần Thị K tặng cho có diện tích là 23039,8m^2, phần diện tích đất 3291,4m^2 của chị Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M mà anh D đã trả giá trị, phần diện tích đất mà các đồng thừa kế còn lại tặng cho anh D cùng kỷ phần anh D được hưởng có diện tích là 16457m^2).

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng do Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam đo vẽ, ký ngày 01/11/2023)

Anh Nguyễn Minh D có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M, mỗi người với số tiền 110.473.000 đồng (một trăm mười triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày chị T, ông M có đơn yêu cầu thi hành án, anh D không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Anh Nguyễn Minh D có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn Đ tổng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn U, mỗi người có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn U, mỗi người có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Minh D số tiền 5.357.000 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về chi phí tố tụng.

Ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn U và anh Nguyễn Văn Đ, mỗi người có trách nhiệm trả số tiền 1.891.750 đồng (một triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm năm chục đồng) cho ông Nguyễn Văn G.

Anh Nguyễn Minh D có trách nhiệm trả số tiền 18.917.500 đồng (mười tám triệu chín tăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) cho ông Nguyễn Văn G.

4. Án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh D phải chịu số tiền án phí chia thừa kế là 46.749.000 đồng, án phí do thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là 15.000.000 đồng và án phí về việc tặng cho tài sản là 300.000 đồng. Tổng các khoản án phí, anh D phải nộp với số tiền 62.049.000 đồng (sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng – chưa nộp).

Chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí chia thừa kế là 5.791.500 đồng, án phí do thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là 892.850 đồng. Tổng các khoản, chị T phải nộp với số tiền 6.684.350 đồng (sáu triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm năm chục đồng – chưa nộp).

Ông Nguyễn Văn M phải chịu số tiền án phí chia thừa kế là 5.791.500 đồng, án phí do thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là 892.850 đồng. Tổng các khoản, ông M phải nộp với số tiền 6.684.350 đồng. Vào ngày 29/7/2024, ông M đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.944.000 đồng theo biên lai thu số 0003751 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách nhà nước, ông M còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 4.740.350 đồng (bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn ba trăm năm chục đồng – chưa nộp).

Anh Nguyễn Văn U phải chịu số tiền án phí chia thừa kế là 5.791.500 đồng, án phí do thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là 892.850 đồng. Tổng các khoản, anh U phải nộp với số tiền 6.684.350 đồng. Vào ngày 11/7/2024, anh U đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.167.000 đồng theo biên lai thu số 0003698 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách nhà nước, anh U còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 5.517.350 đồng (năm triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm năm chục đồng – chưa nộp).

Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền án phí chia thừa kế là 5.791.500 đồng, án phí do thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là 300.000 đồng. Tổng các khoản, anh Đ phải nộp với số tiền 6.091.500 đồng (sáu triệu không trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm đồng – chưa nộp).

Chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Đ1, chị Nguyễn Út Ô và chị Nguyễn Út M không phải chịu án phí chia thừa kế (do anh D đã nhận nộp). Vào ngày 19/7/2024, chị Út M cùng chị Đ1, chị X và chị L, mỗi người đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.167.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0003733, 0003734, 0003735, 0003736 được trả lại toàn bộ cho chị Út M, chị Đ1, chị X và chị L. Riêng chị Út Ô đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 1.167.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) vào ngày 02/7/2024, theo biên lai thu số 0003669 được trả lại toàn bộ cho chị Út Ô.

Ông Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị T1 và cụ Trần Thị K1, do là người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên không phải hoàn lại.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký
Lâm Hoài Ân